

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Quý III năm 2010

Hà Nội, tháng 10 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,513,180,378,631	2,018,957,647,049
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	392,199,745,763	599,782,460,608
1	Tiền	111		26,849,920,963	34,782,460,608
2	Các khoản tương đương tiền	112		365,349,824,800	565,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1,795,092,619,000	617,500,000,000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		1,795,092,619,000	617,500,000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264,120,074,369	582,896,129,299
1	Phải thu của khách hàng	131		415,370,331	2,882,442,950
2	Trả trước cho người bán	132		7,023,032,529	4,229,613,236
3	Phải thu nội bộ	133		-	536,751,067,487
4	Các khoản phải thu khác	135		256,681,671,509	39,033,005,626
IV.	Hàng tồn kho	140		3,250,747,088	3,253,963,551
1	Hàng tồn kho	141		3,250,747,088	3,253,963,551
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		58,517,192,411	215,525,093,591
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,036,733,736	2,170,348,759
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		54,441,002,704	49,835,302,774
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,108,156,522	13,456,659,605
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		931,299,449	150,062,782,453
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,995,416,128,818	2,796,583,209,376
I.	Tài sản cố định	220		531,427,047,161	469,926,980,223
1	Tài sản cố định hữu hình	221	9	211,978,276,236	219,724,305,405
	<i>Nguyên giá</i>	222		270,591,374,305	263,777,758,058
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58,613,098,069)	(44,053,452,653)
2	Tài sản cố định vô hình	227	7	30,296,146,396	23,004,605,655
	<i>Nguyên giá</i>	228		62,777,746,229	49,039,074,229
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(32,481,599,833)	(26,034,468,574)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	289,152,624,529	227,198,069,163
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,449,006,835,165	2,307,158,356,185
1	Đầu tư vào công ty con	251	10	1,725,004,870,260	1,446,290,980,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	471,700,000,000	375,500,000,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	12	262,804,891,300	553,888,966,270
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10,502,926,395)	(68,521,590,085)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		14,982,246,492	19,497,872,968
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		14,971,620,492	19,436,603,968
2	Tài sản dài hạn khác	268		10,626,000	61,269,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,508,596,507,449	4,815,540,856,425

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010***MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,804,440,770,846	2,176,568,297,220
I. Nợ ngắn hạn	310		1,002,746,006,271	374,948,412,645
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	13	638,049,173,451	244,035,815,803
2 Phải trả cho người bán	312		7,125,656,025	18,209,489,292
3 Người mua trả tiền trước	313		9,976,708,106	9,960,708,106
4 Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	14	10,858,694,800	30,805,908,828
5 Phải trả công nhân viên	315		856,404,517	834,032,199
6 Chi phí phải trả	316	15	143,098,880,942	37,173,525,720
7 Phải trả nội bộ	317		162,185,833,335	502,413,551
8 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	29,296,608,703	29,708,200,780
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,298,046,392	3,718,318,366
II. Nợ dài hạn	330		1,801,694,764,575	1,801,619,884,575
1 Phải trả dài hạn khác	333		1,694,764,575	1,619,884,575
2 Vay và nợ dài hạn	334	17	1,800,000,000,000	1,800,000,000,000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,704,155,736,603	2,638,972,559,205
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2,704,155,736,603	2,638,972,559,205
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,934,805,170,000	1,438,319,670,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		54,851,281,360	54,851,281,360
3 Cổ phiếu quỹ	414		(821,890,000)	(2,805,550,000)
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL & đầu tư phát triển	417		103,009,261	103,009,261
5 Quỹ dự phòng tài chính	418		87,203,093,024	87,203,093,024
6 Lợi nhuận chưa phân phối	420		628,015,072,958	1,061,301,055,560
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		5,508,596,507,449	4,815,540,856,425

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc*Ngày 25 tháng 10 năm 2010*

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Lũy Kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		52,714,826,483	747,673,754,295	185,931,546,246	5,619,325,843,146
2	Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	864,363
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	52,714,826,483	747,673,754,295	185,931,546,246	5,619,324,978,783
4	Giá vốn hàng bán	11	20	34,100,543,189	718,570,930,261	131,363,596,174	5,453,693,281,825
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18,614,283,294	29,102,824,034	54,567,950,072	165,631,696,958
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	159,549,956,081	170,641,716,669	416,554,140,210	498,183,495,284
7	Chi phí tài chính	22	22	61,961,775,416	33,563,416,526	120,944,732,393	112,255,113,813
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		49,315,528,454	28,194,246,343	132,642,551,059	75,445,839,808
8	Chi phí bán hàng	24		1,829,476,075	6,868,105,217	5,079,583,233	18,621,189,305
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31,848,805,762	30,822,155,830	82,724,703,943	106,924,272,530
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82,524,182,122	128,490,863,130	262,373,070,713	426,014,616,594
11	Thu nhập khác	31		154,688,781	507,927,250	384,455,676	23,804,106,022
12	Chi phí khác	32		993,238,709	664,448,974	1,085,822,935	13,997,396,895
13	Lợi nhuận khác	40	23	(838,549,928)	(156,521,724)	(701,367,259)	9,806,709,127
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81,685,632,194	128,334,341,406	261,671,703,454	435,821,325,721
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	10,091,585,653	9,127,324,949	23,219,418,056	22,626,017,564
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-	-	1,315,185,413
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71,594,046,541	119,207,016,457	238,452,285,398	411,880,122,744

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	261,671,703,454	435,821,325,721
2	Điều chỉnh cho các khoản:		(305,287,128,272)	(408,724,815,831)
-	Khấu hao tài sản cố định	02	21,803,434,012	21,295,618,101
-	Các khoản dự phòng	03	(58,018,663,690)	-
-	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(727,948,850)	(2,017,719,473)
-	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(400,986,500,803)	(503,448,554,267)
-	Chi phí lãi vay	06	132,642,551,059	75,445,839,808
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi			
3	vốn lưu động	08	(43,615,424,818)	27,096,509,890
-	(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	422,624,564,706	1,548,072,486,843
-	(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3,216,463	102,788,636,647
-	Tăng (giảm) các khoản phải trả (ko kể lãi vay phải			
-	trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	144,561,594,806	(473,916,533,244)
-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	12	4,598,598,499	2,755,144,534
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(34,220,031,706)	(40,685,350,028)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(42,300,265,378)	(116,018,316,362)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	150,000,000,000	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2,420,271,974)	(80,277,230,899)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	599,231,980,598	969,815,347,381
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(105,523,100,466)	(78,309,110,539)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	274,958,519	23,524,992,308
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4,348,512,619,000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3,666,091,113,770	-
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(579,000,929,060)	(164,553,500,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17,500,000,000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	338,136,314,300	89,802,693,161
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(1,028,534,261,937)	(112,034,925,070)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	18,146,090,000	26,698,930,000
2	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	1,983,660,000	(676,950,000)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,319,781,419,058	2,081,564,249,788
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(925,569,379,764)	(2,808,394,510,371)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(192,622,222,800)	(141,092,373,600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	221,719,566,494	(841,900,654,183)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	(207,582,714,845)	15,879,768,128
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	599,782,460,608	607,231,328,309
	Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	392,199,745,763	623,111,096,437

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Nguyễn Thệ Phương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 09 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 30/09/2010, Công ty Cổ phần FPT có 11 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giáo dục FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 8 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 1.438.319.670.000 VND lên 1.934.805.170.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2010 là 154 người (31 tháng 12 năm 2009 là 187 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin, viễn thông, đầu tư và các dịch vụ khác. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Công ty được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Cho kỳ từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/09/2010
(Số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất là vô thời hạn và không được trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê; chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ không quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	876,535,914	1,145,258,233
Tiền gửi ngân hàng	25,973,385,049	33,637,202,375
Các khoản tương đương tiền (i)	365,349,824,800	565,000,000,000
	392,199,745,763	599,782,460,608

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho Công ty con vay có thời hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay, ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới 1 năm.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	9,114,336,000	39,924,738,229	49,039,074,229
- Mua trong kỳ	-	13,738,672,000	13,738,672,000
Số dư cuối quý này	9,114,336,000	53,663,410,229	62,777,746,229
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	(26,034,468,574)	(26,034,468,574)
- Khấu hao trong kỳ	-	(6,447,131,259)	(6,447,131,259)
Số dư cuối quý này	-	(32,481,599,833)	(32,481,599,833)
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	9,114,336,000	13,890,269,655	23,004,605,655
- Tại ngày cuối quý	9,114,336,000	21,181,810,396	30,296,146,396

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất vô thời hạn và không được trích khấu hao.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	38,386,431,398	14,393,543,491
Dự án Khu công nghệ cao T.P HCM	68,973,644,764	26,777,715,110
Dự án FPT City tại Đà Nẵng	181,792,548,367	181,749,048,367
Khác	-	4,277,762,195
	289,152,624,529	227,198,069,163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu năm</i>	186,172,865,830	39,099,752,366	2,187,572,760	35,819,727,029	497,840,073	263,777,758,058
- Mua trong kỳ	-	936,648,081	-	894,374,150	66,627,045	1,897,649,276
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	5,874,711,301	-	-	-	5,874,711,301
- Thanh lý, nhượng bán	-	16,153,365	8,480,000	875,516,105	-	900,149,470
- Giảm khác	58,594,860	-	-	-	-	58,594,860
<i>Số dư cuối quý</i>	186,114,270,970	45,894,958,383	2,179,092,760	35,838,585,074	564,467,118	270,591,374,305
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	(8,767,508,010)	(8,657,607,604)	(1,473,264,743)	(24,748,974,488)	(406,097,808)	(44,053,452,653)
- Khấu hao trong kỳ	(6,518,837,844)	(3,497,829,969)	(90,546,084)	(5,196,656,195)	(52,432,661)	(15,356,302,753)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6,999,791)	(8,480,000)	(781,177,546)	-	(796,657,337)
<i>Số dư cuối quý</i>	(15,286,345,854)	(12,148,437,782)	(1,555,330,827)	(29,164,453,137)	(458,530,469)	(58,613,098,069)
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày đầu năm	177,405,357,820	30,442,144,762	714,308,017	11,070,752,541	91,742,265	219,724,305,405
- Tại ngày cuối quý	170,827,925,116	33,746,520,601	623,761,933	6,674,131,937	105,936,649	211,978,276,236

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/09/2010 với giá trị là 15.566.439.156 VND (tại ngày 31/12/2009 là 13.766.965.261 VND).

Một số tầng của tòa nhà FPT Phạm Hùng, tòa nhà 153 Nguyễn Đình Chiểu đang được các công ty con thuê, sử dụng làm văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty tại ngày 30/09/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	92.26%	92.26%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	66.07%	66.07%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	91,79%	91,79%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	43.06%	43.06%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	Tầng 1, Tòa nhà FPT, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	94.90%	94.90%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản; tư vấn, quản lý bất động sản
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 1, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100.00%	100.00%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến (ii)	131 Nơ Trang Long, Quận Bình	51.60%	85.20%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 43,06% phần vốn (31/12/2009: 41,62%) và có 43,06% quyền biểu quyết (31/12/2009: 41,62%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Công ty có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, do đó Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được coi là công ty con.

(ii) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 51,60% phần vốn (31/12/2009: 34,67%) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 26,20% (31/12/2009: 23,33%) và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 25,40% (31/12/2009: 11,34%). Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 59,00% (31/12/2009: 27,22%) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT.

Trong kỳ, Công ty nhận được cổ phiếu mà không phải trả tiền do các công ty con sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Do vậy, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Chi tiết như sau:

Công ty con	Cổ phiếu tăng thêm	Cổ phiếu nắm giữ tại 30/09/2010
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	9,778,572	35,782,679
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	8,312,500	41,562,500
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	5,700,000	34,200,000
	23,791,072	111,545,179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110,000,000,000	110,000,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	36,300,000,000	36,300,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	325,400,000,000	229,200,000,000
	471,700,000,000	375,500,000,000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/09/2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	33%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	16.9%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,9% quyền biểu quyết (31/12/2009: 15,96%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Công ty trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong; do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được coi là công ty liên kết của Công ty.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	-	495,171,113,770
Quỹ đầu tư Việt Nam (BVIM)	30,000,000,000	30,000,000,000
Quỹ đầu tư Việt Nhật	36,300,000,000	24,800,000,000
Đầu tư ủy thác vào Công ty CP Giáo dục quốc tế Việt Úc	190,000,000,000	-
Khác	6,504,891,300	3,917,852,500
	262,804,891,300	553,888,966,270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	10,030,913,347	13,898,174,411
Vay ngắn hạn công ty con	628,018,260,104	230,137,641,392
	638,049,173,451	244,035,815,803

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	63,195,638	258,482,754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,091,585,653	28,622,190,824
Thuế thu nhập các nhân	703,667,296	1,923,240,620
Thuế nhà thầu	246,213	1,994,630
	10,858,694,800	30,805,908,828

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi vay	126,888,272,075	29,991,033,262
Các chi phí khác	16,210,608,867	7,182,492,458
	143,098,880,942	37,173,525,720

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3,979,773,479	5,348,143,105
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	553,037,030	544,838,782
Phải trả tiền cổ tức	2,499,858,809	1,723,223,609
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20,545,404,720	20,545,404,720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,718,534,665	1,546,590,564
	29,296,608,703	29,708,200,780

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009 tương đương với 1.800 lô được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ VND, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; do vậy, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

89 Láng Hạ, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL & đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày đầu năm trước	1,411,620,740,000	54,851,281,360	(1,831,500,000)	103,009,261	87,203,093,024	627,975,908,151	2,179,922,531,796
Vốn góp	26,698,930,000	-	-	-	-	-	26,698,930,000
Lợi nhuận thuần trong năm trước	-	-	-	-	-	826,801,112,824	826,801,112,824
Biến động thuần về cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(974,050,000)	-	-	-	(974,050,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	(39,412,345,327)	(39,412,345,327)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(356,253,482,000)	(356,253,482,000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	2,189,861,912	2,189,861,912
Số dư đầu năm nay	1,438,319,670,000	54,851,281,360	(2,805,550,000)	103,009,261	87,203,093,024	1,061,301,055,560	2,638,972,559,205
Vốn góp	18,146,090,000	-	-	-	-	-	18,146,090,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	238,452,285,398	238,452,285,398
Biến động thuần về cổ phiếu ngân quỹ	-	-	1,983,660,000	-	-	-	1,983,660,000
Chia cổ tức	478,339,410,000	-	-	-	-	(671,738,268,000)	(193,398,858,000)
Số dư cuối quý này	1,934,805,170,000	54,851,281,360	(821,890,000)	103,009,261	87,203,093,024	628,015,072,958	2,704,155,736,603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Ngày 27 tháng 3 năm 2010, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2009 là 25% trên mệnh giá, phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2009. Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:1. Ngày 13 tháng 5 năm 2010, Công ty đã tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông. Số cổ phiếu được phát hành thêm được niêm yết theo quyết định số 134/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 07 năm 2010.

Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Công ty đã tiến hành trả cổ tức bằng tiền mặt 6 tháng đầu năm 2010 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).

Số cổ phiếu đang lưu hành

	30/09/2010	01/01/2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	193,480,517	143,831,967
Cổ phiếu đã phát hành	193,480,517	143,831,967
Cổ phiếu phổ thông	192,978,824	142,649,197
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	501,693	1,182,770
Cổ phiếu quỹ	(82,189)	(280,555)
Cổ phiếu phổ thông	(1,020)	(280,555)
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	(81,169)	
Cổ phiếu đang lưu hành	193,398,328	143,551,412
Cổ phiếu phổ thông	192,977,804	142,649,197
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	420,524	902,215

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 VND. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

19. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (i)	185,931,546,246	5,619,325,843,146
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	49,599,841,740	5,445,202,677,026
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	136,331,704,506	174,123,166,120
Các khoản giảm trừ	-	(864,363)
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	185,931,546,246	5,619,324,978,783

(i) Năm 2010, Công ty chuyển đổi mô hình quản trị tập đoàn, theo đó Công ty mẹ sẽ không trực tiếp nhập khẩu hàng và phân phối cho các công ty thành viên. Vì vậy doanh thu năm 2010 của Công ty không có các khoản bán hàng nhập khẩu cho các công ty thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	129,825,458,841	5,375,145,069,096
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1,538,137,333	78,548,212,729
	131,363,596,174	5,453,693,281,825

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	213,218,591,504	80,076,923,899
Lãi chênh lệch tỷ giá	333,317,825	4,933,613,947
Cổ tức và lợi nhuận nhận được (i)	149,246,677,981	413,172,957,438
Khác	53,755,552,900	
	416,554,140,210	498,183,495,284

(i) Theo hướng dẫn tại thông tư 244/2009/TT- BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản trả cổ tức bằng cổ phiếu của các công ty con không được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm 2010.

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	132,642,551,059	75,445,839,808
Lỗ chênh lệch tỷ giá	449,301,917	33,899,274,005
Chi phí hoạt động tài chính khác (i)	(12,147,120,583)	2,910,000,000
	120,944,732,393	112,255,113,813

(i) Chi phí hoạt động tài chính khác của kỳ hiện tại âm do hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	274,958,519	23,524,992,308
Các thu nhập khác	109,497,157	279,113,714
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(105,506,976)	(13,326,319,378)
Chi phí khác	(980,315,959)	(671,077,517)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(701,367,259)	9,806,709,127

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện tại	23,219,418,056	22,626,017,564
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời	-	1,315,185,413
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23,219,418,056	23,941,202,977

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng
